

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

- Câu 1:** Chọn từ có trọng âm chính nhấn vào âm tiết có vị trí khác với những từ còn lại:
A. study B. reply C. apply D. rely
- Câu 2:** Chọn từ mà phần gạch chân có cách phát âm khác với những từ còn lại:
A. churches B. chairman C. chemist D. changes
- Câu 3:** Chọn từ mà phần gạch chân có cách phát âm khác với những từ còn lại:
A. heat B. seat C. great D. meat
- Câu 4:** Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Gold, as well as silver, in price.
A. have risen B. has risen C. rise D. are rising
- Câu 5:** Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
He to New York three times this year.
A. had been B. was C. is D. has been
- Câu 6:** Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
I remember you about this before.
A. tell B. to tell C. telling D. told
- Câu 7:** Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Each of you a share in the work.
A. have B. has C. having D. to have
- Câu 8:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
He let the letter onto the floor.
A. fall B. falls C. falling D. fell
- Câu 9:** Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
..... all my warnings, he tried to fix the computer himself.
A. Instead of B. In spite of C. Although D. Because
- Câu 10:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
..... your homework finished last night?
A. Was B. Did C. Are D. Do
- Câu 11:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Have you decided to apply the job yet?
A. for B. to C. into D. off
- Câu 12:** Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Mr. Brown has many patients he is always busy.
A. too/that B. very/until C. such/that D. so/that
- Câu 13:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
We are very fond folk music.
A. in B. at C. with D. of
- Câu 14:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
The children, parents work late, are taken home by bus.
A. that B. whom C. whose D. their
- Câu 15:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
He wanted to know the reason I was late.
A. as B. for C. why D. because
- Câu 16:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
She doesn't understand I am saying.
A. what B. that C. whose D. where
- Câu 17:** Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
We have to start early we won't be late.
A. so that B. that C. because D. because of

- Câu 18:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
The place we spent our holiday was really beautiful.
A. what B. who C. where D. which
- Câu 19:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
She goes a lot. She hardly ever spends an evening at home.
A. out B. down C. along D. over
- Câu 20:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
There are small between British and American English.
A. differences B. different C. difference D. differently
- Câu 21:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Some species of rare animals are in of extinction.
A. danger B. dangerous C. dangerously D. endanger
- Câu 22:** Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
We are of the long journey.
A. tire B. tiring C. tired D. to tire
- Câu 23:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Sara speaks so that I can't understand her.
A. fast B. fastly C. faster D. fastest
- Câu 24:** Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Would you mind me a hand with this bag?
A. give B. giving C. to give D. to giving
- Câu 25:** Xác định từ có gạch dưới cần phải sửa, để câu sau trở thành chính xác:
When I came in, everyone were watching a film.
A B C D
- Câu 26:** Xác định từ/cụm từ có gạch dưới cần phải sửa, để câu sau trở thành chính xác:
My family spent an interested holiday in Europe last summer.
A B C D
- Câu 27:** Xác định từ/cụm từ có gạch dưới cần phải sửa, để câu sau trở thành chính xác:
My uncle lived in Hanoi since 1990 to 1998, but he is now living in Hue.
A B C D
- Câu 28:** Xác định từ/cụm từ có gạch dưới cần phải sửa, để câu sau trở thành chính xác:
He stopped to smoke because it is harmful for his health.
A B C D
- Câu 29:** Chọn câu (ứng với A hoặc B, C, D) diễn đạt đúng nghĩa câu sau:
I didn't have an umbrella with me, so I got wet.
A. If I had had an umbrella, I wouldn't get wet.
B. If I had had an umbrella, I would get wet.
C. If I had had an umbrella, I wouldn't have got wet.
D. If I had had an umbrella, I would have got wet.
- Câu 30:** Chọn cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Peter wanted to win the race. He ran
A. so fast as he can B. fast as he could C. fast as he can D. as fast as he could
- Câu 31:** Chọn câu (ứng với A hoặc B, C, D) diễn đạt đúng nghĩa câu sau:
The coffee was too hot for me to drink.
A. The coffee is so hot that I can't drink it.
B. The coffee is so hot that I can't drink.
C. The coffee was so hot that I couldn't drink.
D. The coffee was so hot that I couldn't drink it.
- Câu 32:** Chọn câu (ứng với A hoặc B, C, D) diễn đạt đúng nghĩa câu sau:
Learning English is not easy.
A. It is not easy to learning English. B. It is easy learning English.
C. It is not easy to learn English. D. It is not difficult to learn English.

Câu 49: Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

We need more sugar. There is sugar in the pot.

A. much B. many C. any D. little

Câu 50: Chọn cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

..... is Oxford from Cambridge?

A. How long B. How far C. How long away D. How often

----- HẾT -----